TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn và con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phám- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2023 về "Tranh chấp ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn là tự nguyện, chị và anh H1 có được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh H1 làm dâu ngay. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, trong thời gian này vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không

còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Trần P, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Thùy T, sinh ngày 23/8/2020. Nay ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con chung. Chị không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm trình dược viên cho Công ty D và Công ty D1, thu nhập trung bình 21.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị và các con đang ở nhà, đất riêng tại Khu Đô thị Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H1 nhưng anh H1 không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, anh H1 vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn nhiều lần không chấp hành đúng quy định về nghĩa vụ có mặt tại tòa theo quy định.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H được nuôi 02 con chung là Nguyễn Trần P, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Thùy T, sinh ngày 23/8/2020.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 hiện cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn và con chung".

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị H về việc do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ lâu là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1. Tòa án đã tống đạt cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cấp chứng cứ với nội dung yêu cầu anh H1 trình bày ý kiến của mình về việc chị H xin ly hôn và xin nuôi con chung. Nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chứng tỏ anh H1 tự từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ để xác định vợ chồng chị H, anh H1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Xét yêu cầu xin nuôi 02 con chung của nguyên đơn: Theo lời khai của chị H, của con chung và kết quả xác minh tại địa phương, hiện cả 02 con chung đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thu nhập trong 03 tháng gần nhất của chị H bình quân 21.000.000đồng/tháng; con lớn là Nguyễn Trần P có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị H; con nhỏ là Nguyễn Thùy T còn nhỏ hiện cháu chưa đầy 3 tuổi rưỡi và cũng đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H về việc chị H xin được nuôi cả 02 con chung. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng chị H có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con chung. Cần chấp nhận yêu cầu của chị H về con chung, giao cho chị Trần Thị Thu H được nuôi 02 con chung là Nguyễn Trần P, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Thùy T, sinh ngày 23/8/2020 là phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân gia đình.

Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định tại thuộc hộ nghèo cần được miễn án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 91, Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Trần P, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn Thùy T, sinh ngày 23/8/2020.

Anh H1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đồng đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006598 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Sửu **Nguyễn Văn Kiểm** **Thân Văn Hiếu**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Xuân Thịnh **Lương Văn Định** **Thân Văn Hiếu**